

**BÁO CÁO THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THỊ XÃ
QUÝ 1 NĂM 2025**

I. Thu ngân sách: (Biểu số 94/CK-NSNN):

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (thu nội địa) lũy kế đến ngày 31/3/2025 là: 102.420 triệu đồng, đạt 28,57% dự toán, so cùng kỳ tăng 6,07%, cụ thể như sau:

- Có 06 chỉ tiêu thu đạt vượt dự toán giao:

+ Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 42.667 triệu đồng, đạt 27,67% dự toán.

+ Lệ phí trước bạ nhà đất: 22.178 triệu đồng, đạt 29,18% dự toán.

+ Thu phí, lệ phí: 2.869 triệu đồng, đạt 59,52% dự toán.

+ Các khoản thu về nhà đất: 20.106 triệu đồng, đạt 31,81% dự toán.

+ Thu khác ngân sách: 3.520 triệu đồng, đạt 27,59% dự toán.

+ Thu khác tại xã, phường: 467 triệu đồng, đạt 30,32% dự toán.

- Có 01 chỉ tiêu thu không đạt dự toán.

+ Thuế thu nhập cá nhân: 10.376 triệu đồng, đạt 22,56% dự toán.

II. Chi ngân sách: (Biểu số 93/CK-NSNN, Biểu số 95/CK-NSNN):

- Ngân sách địa phương cân đối, điều hành chi trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo nguồn hoạt động thường xuyên, chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các khoản chi thiết yếu khác. Tổng chi ngân sách địa phương đến ngày 31/3/2025 là: 154.404 triệu đồng, đạt 21,77% dự toán, so cùng kỳ tăng 27,44%. Bao gồm:

1. Chi cân đối ngân sách thị xã: 140.823 triệu đồng, đạt 21,65% dự toán, bao gồm:

a. Chi đầu tư phát triển: 18.310 triệu đồng, đạt 24,35% dự toán.

b. Chi thường xuyên: 122.513 triệu đồng, đạt 21,79% dự toán.

- Chi y tế, dân số và gia đình: 971 triệu đồng, đạt 23,70% so dự toán.

- Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề: 71.370 triệu đồng, đạt 22,19% so dự toán.

- Chi đảm bảo xã hội: 10.435 triệu đồng, đạt 25,34% so dự toán.

- Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 29.542 triệu đồng, đạt 26,58% so dự toán.

- Chi quốc phòng - an ninh: 6.261 triệu đồng, đạt 27,31% so dự toán.

- Chi sự nghiệp thể thao: 149 triệu đồng, đạt 12,80% so dự toán.
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 882 triệu đồng, đạt 14,39% so dự toán.
- Chi sự nghiệp môi trường: 559 triệu đồng, đạt 2,86% so dự toán.
- Chi sự nghiệp kinh tế: 2.308 triệu đồng, đạt 7,43% so dự toán.
- Chi sự nghiệp truyền thanh: 35 triệu đồng, đạt 3,78% so dự toán.
- Chi khác: 1 triệu đồng, đạt 0,04% so dự toán.

c. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên: 0 triệu đồng.

2. Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 13.581 triệu đồng, đạt 23,12% dự toán.

Trên đây là báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tài chính Tây Ninh;
- Văn phòng Thị ủy;
- Các phòng, ban thuộc UBND thị xã;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã;
- Tòa án nhân dân thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Vân

UBND THỊ XÃ HÒA THÀNH

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Thực hiện Quý 1 năm 2025	So sánh So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4</i>
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	709.176	425.595	60,01	233,24
I	Thu cân đối NSNN	375.000	113.441	30,25	109,13
1	Thu nội địa (số thu điều tiết)	375.000	113.441	30,25	109,13
2	Thu viện trợ				
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	218.950	74.708	34,12	135,42
III	Thu chuyển giao giữa các cấp NS		0		0,00
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	115.226	237.446		
V	Thu kết dư ngân sách		0		0,00
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	709.176	154.404	21,77	127,44
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	650.438	140.823	21,65	116,23
1	Chi đầu tư phát triển	75.200	18.310	24,35	51,81
2	Chi thường xuyên	562.229	122.513	21,79	142,76
3	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên		0		
4	Tạm chi chưa đưa vào cân đối NSNN				
5	Chi dự phòng ngân sách	13.009		0,00%	
II	Chi từ nguồn BS có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	58.738	13.581	23,12%	99,85
1	Chi đầu tư phát triển	37.895	11.936	31,50%	97,64
2	Chi thường xuyên	20.843	1.645	7,89%	119,46

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 1 NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

S TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Thực hiện Quý I năm 2025	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	358.520	102.420	28,57	106,07
I	Thu nội địa	358.520	102.420	28,57	106,07
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		0		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		0		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	154.200	42.667	27,67	80,72
4	Thuế thu nhập cá nhân	46.000	10.376	22,56	101,30
5	Thuế bảo vệ môi trường	0	0		
6	Lệ phí trước bạ	76.000	22.178	29,18	165,19
7	Thu phí, lệ phí	4.820	2.869	59,52	95,76
8	Các khoản thu về nhà, đất	63.200	20.106	31,81	161,88
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.500	1.094	24,31	112,90
-	Thu tiền sử dụng đất	58.000	17.564	30,28	153,54
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	700	1.448	206,86	12.066,67
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		0		
9	Thu từ cấp giấy phép khai thác tài nguyên		237		846,43
10	Thu khác ngân sách	12.760	3.520	27,59	83,18
11	Thu khác tại xã (bao gồm: Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác)	1.540	467	30,32	130,45
II	Các khoản thu quản lý qua ngân sách				
B	THU NGÂN SÁCH ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	366.983	113.442	30,91	109,13
1	Các khoản thu phân chia	295.623	89.385	30,24	103,04
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	71.360	24.056	33,71	139,80

UBND THỊ XÃ HÒA THÀNH

Biểu số 95/CK-NSNN



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Thực hiện quý I năm 2025	So sánh thực hiện với (%)	
				% TH/DT	So cùng kỳ
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	709.176	154.404	21,77	127,44
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	650.438	140.823	21,65	130,93
I	Chi đầu tư phát triển	75.200	18.310	24,35	79,20
-	Chi đầu tư cho các dự án (Trong đó chi Ủy thác cho ngân hàng chính sách xã hội 3,5 tỷ đồng)	17.200	6.143	35,72	26,57
-	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	58.000	12.167	20,98	0,00
II	Chi thường xuyên	562.229	122.513	21,79	145,09
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	321.610	71.370	22,19	134,18
2	Chi khoa học, công nghệ	130	0	0,00	0,00
3	Chi y tế, dân số và gia đình	4.100	971	23,70	86,82
4	Chi văn hoá thông tin	6.128	882	14,39	88,21
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	923	35	3,78	290,37
6	Chi thể dục thể thao	1.166	149	12,80	373,16
7	Chi bảo vệ môi trường	19.550	559	2,86	3.991,37
8	Chi các hoạt động kinh tế	31.074	2.308	7,43	110,70
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	111.147	29.542	26,58	185,40
10	Chi đảm bảo xã hội	41.176	10.435	25,34	190,00
11	Chi quốc phòng-an ninh	22.927	6.261	27,31	112,78
-	Chi quốc phòng	9.881	4.265	43,17	108,53
-	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	13.046	1.996	15,30	123,07
12	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật	2.298	1	0,04	33,33
III	Dự phòng ngân sách	13.009		0,00	0,00
IV	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên		0	0,00	0,00
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	58.738	13.581	23,12	99,85
I	Chi đầu tư phát triển (1)	37.895	11.936	31,50	97,64
-	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu	37.895	11.936	31,50	97,64
II	Chi thường xuyên	20.843	1.645	7,89	119,46
1	CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0	0	0,00	0,00
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới	5.429	2	0,03	0,00
3	Kinh phí thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững	0	0	0,00	0,00
4	Các chương trình nhiệm vụ	15.414	1.643	10,66	119,29

